

NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN BỔ SUNG SỬA ĐỔI LUẬT THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN

NGUYỄN THỊ DIỄM CHÂU* & NGUYỄN THỊ KIM TUYẾN**

Pháp lệnh thuế thu nhập (TN) của những người có TN cao và kể đến là Luật thuế TN cá nhân (TNCN) ra đời (thực hiện từ ngày 1/1/2009) đã thu được một số kết quả: (1) Góp phần tăng thu ngân sách, góp phần điều tiết TN các tầng lớp dân cư, thể hiện công bằng xã hội, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, hạn chế mức chênh lệch TN các dân cư trong xã hội; và (2) Góp phần quản lý các TN của dân cư, hạn chế được những hoạt động phi pháp, tham nhũng, tiêu cực, khuyến khích tích cực làm giàu của người dân trong xã hội. Tuy nhiên, một số điều quy định trong Luật thuế TNCN chưa được phù hợp với tình hình thực tế, đặc biệt là trong điều kiện khủng hoảng kinh tế, tiền tệ, lạm phát cao và giá cả tăng vọt trong những năm qua, những điều đó là: mức giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế, thuế suất giữa các bậc thuế quá dày. Khoảng cách thu nhập giữa các bậc thuế gần nhau quá.

Bài viết này đề cập đến những vấn đề về mức giảm trừ gia cảnh, thuế suất và khoảng cách thu nhập giữa các bậc thuế. Điều chỉnh được các vấn đề này sẽ giải quyết được những hạn chế cơ bản của Luật thuế TNCN. Một số vấn đề khác như: quản lý thuế, diện nộp thuế... cũng rất cần làm sẽ bàn vào chuyên đề khác. Nếu các nhà hoạch định chính sách khi nghiên cứu sửa đổi chính sách, cần lưu ý, có mức giảm trừ gia cảnh phù hợp, có thuế suất và khoảng cách các bậc thuế hợp lý thì Luật thuế TNCN sẽ được nhiều người đồng thuận và khả năng thực thi cao góp phần tăng thu ngân sách, khuyến khích người lao động tăng năng suất, khuyến khích họ làm giàu chính đáng. Đó là cơ sở vững chắc tăng thu, phát triển kinh tế, và tạo điều kiện dân giàu nước mạnh

Từ khóa: Luật thuế thu nhập cá nhân, thuế suất, giảm trừ gia cảnh, thu nhập

1. Giới thiệu

Các luật thuế của VN được ra đời từ năm 1990 (cải cách thuế bước I) như: Luật thuế doanh thu (sau này đổi thành thuế giá trị gia tăng), Luật thuế lợi tức (hiện nay là thuế TN doanh nghiệp), Luật thuế tiêu thụ đặc biệt, Luật thuế sử dụng đất nông nghiệp...; một số pháp lệnh thuế cũng được ra đời như: Pháp lệnh thuế tài nguyên, Pháp lệnh thuế nhà đất, Pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao...

Pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao ra đời từ cuối năm 1990 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/04/1991. Qua 18 năm thực hiện từ 1991 đến 2008 đã có 6 lần thay đổi cho phù hợp với tình hình thực tế về phát triển kinh tế, về tình hình giá cả tăng cao và qua các lần tăng lương cơ bản của Nhà nước. Sự

thay đổi của pháp lệnh thuế TN chủ yếu là thay đổi mức chịu thuế cho người VN và người nước ngoài. Cụ thể mức khởi điểm chịu thuế từ 1991: Đối với người VN là 500.000đ/người/tháng qua 6 lần thay đổi đến 2004 là 5.000.000đ/người/tháng, đối với người nước ngoài 2.400.000đ/người/tháng năm 1991 thì đến năm 2004 là 8.000.000đ/người/tháng. Qua thời gian thực hiện (từ 1991-2008), Pháp lệnh thuế TN đối với người có thu cao đạt được một số kết quả:

- Góp phần tăng thu ngân sách nhà nước.
- Góp phần điều tiết TN của các tầng lớp dân cư thể hiện công bằng xã hội, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế... Hạn chế mức TN chênh lệch giữa các cá nhân trong xã hội.

* PGS.TS., Trường Đại học Văn Hiến TP.HCM

** TS., Hội Kế toán TP.HCM

Email: diemchau1943@yahoo.com, ngktuyen41@yahoo.com

- Góp phần quản lý TN của dân cư hạn chế các hoạt động phi pháp.

- Hạn chế được tiêu cực tham nhũng.
- Khuyến khích người lao động tích cực lao động làm giàu, tạo nhiều sản phẩm cho xã hội.

Tuy nhiên, Pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao còn một số nhược điểm:

- Chưa bao quát và điều tiết các khoản TN như: TN từ đầu tư vốn, cổ tức được chia, TN từ chuyển nhượng tài sản, TN từ chuyển nhượng cổ phần...

- Khởi điểm nộp thuế cao nên đối tượng nộp thuế chưa nhiều, số thuế thu được còn ít, nhưng chi phí quản lý, hành thu cao.

- Thuế TN đối với người có TN cao là thuế trực thu nên gây cảm giác gang nặng thuế luôn cận kề, có tác động lớn đến tâm lý, ảnh hưởng đến mọi thành viên trong xã hội. Do vậy thuế TNCN rất nhạy cảm và dễ bị phản ứng của người nộp thuế.

- Thuế TN đối với người có TN cao có đối tượng chịu thuế và nguồn TN chịu thuế rất đa dạng, phức tạp và phân tán nên việc hình thành các căn cứ tính thuế trong quá trình xây dựng pháp luật thuế khó đầy đủ và chính xác.

- Vấn đề quản lý thuế còn chưa chặt chẽ, còn bỏ sót đối tượng nộp thuế, đặc biệt là các người làm ăn riêng lẻ như giới văn nghệ sĩ, người buôn bán lẻ... TN nhiều nhưng ít kê khai nộp thuế hoặc không kê khai nộp thuế...

Những tồn tại trên cần được khắc phục, do đó Luật thuế TNCN ra đời có tính pháp lý cao hơn. Luật thuế TNCN có những điểm khác pháp lệnh là:

- Không phân biệt người VN hay người nước ngoài.

- Không quy định mức khởi điểm chịu thuế.
- Có mức giảm trừ gia cảnh.
- Bao quát các nguồn thu như lãi cổ tức, đầu tư vốn, thừa kế...

Luật thuế TNCN được Quốc hội khóa 12 ban hành từ năm 2007 có hiệu lực thi hành 1/1/2009. Từ năm 2009 đến 2011 có hai lần Quốc hội cho giảm miễn:

- Lần 1: Nghị quyết số 32/2009/NQ-QH12 ngày 19/06/2009: miễn toàn bộ thuế TNCN từ tháng 1/2009 đến hết tháng 6/2009.

- Lần 2: Nghị quyết 08/2011-QH13 ngày 6/8/2011 về miễn thuế TNCN từ ngày 1/8/2011 đến ngày 31/12/2011 đối với cá nhân có TN chịu thuế TNCN ở bậc 1 của biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Luật thuế TNCN số 4-2007/QH12.

Sở dĩ có các lần giảm thuế do tình hình khủng hoảng tài chính tiền tệ, giá cả tăng vọt ảnh hưởng đến đời sống người dân.

Một số điểm của Luật thuế TNCN đến nay chưa phù hợp như:

- Mức giảm trừ gia cảnh quá thấp người lao động không đủ sống. Mức giảm trừ gia cảnh: đối với người nộp thuế 4.000.000đ, đối với người phụ thuộc 1.600.000đ. Mức này quá thấp cần phải điều chỉnh trong thời gian hiện nay.

- Mức giảm trừ gia cảnh nên ổn định lâu dài và có cơ sở khoa học để dễ làm, dễ hiểu và giảm đi các thủ tục hành chính không đáng có.

- Sửa đổi thuế suất các bậc thuế lũy tiến trên vì hiện nay thuế suất thấp nhất là 5% nếu TN chịu thuế là 5.000.000đ, nếu TN chịu thuế từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ thuế suất là 10%. Biểu thuế suất này quá dày.

- Nên điều chỉnh khoảng cách giữa các bậc thuế vì hiện nay khoảng cách này chỉ 5.000.000đ, thuế suất 5%. Nếu TN từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ thuế suất 10%. Nên giãn khoảng cách này 10.000.000đ. Như hiện nay là quá dày, không khuyến khích người dân tăng năng suất lao động

Các vấn đề này hiện nay đang được người lao động đặc biệt là người nộp thuế rất quan tâm và mong muốn các ngành chức năng nghiên cứu sửa đổi phù hợp để được nhiều người đồng thuận. Người dân mong muốn được thực hiện nghĩa vụ với nhà nước nếu luật thuế phù hợp, khuyến khích người lao động hăng say trong công việc tạo nhiều TN để họ có điều kiện tái tạo sức lao động có điều kiện nuôi dạy con cái, chăm sóc cha mẹ già và có một phần tích lũy nhỏ. Đây là vấn đề mọi người quan tâm và có những ý kiến trong thời gian gần đây. Vấn đề sửa đổi Luật thuế TNCN là cần thiết, người dân đang mong đợi.

2. Vai trò và nội dung thuế TNCN

Thuế là một phần TN mà mọi tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật định để

đáp ứng yêu cầu chi tiêu theo chức năng của Nhà nước, người đóng thuế được hưởng phần TN còn lại. Như vậy thuế trước hết là một phần TN có TN mới có tiền nộp thuế. Tùy theo tình hình cụ thể của mỗi nước mà có cách lựa chọn tính thuế cho các sắc thuế khác nhau một cách phù hợp.

Thuế TN là một loại thuế trực thu đánh vào TN cá nhân hoặc tổ chức sản xuất kinh doanh có TN sau khi trừ đi các khoản chi phí có liên quan đến TN

Đặc điểm cơ bản của thuế TN là thuế đánh vào TN ròng trên cơ sở có thực.

Thuế được xem là phương thức tốt nhất để huy động nguồn lực cho NSNN. Tuy nhiên thu thuế không phải nhằm một lý do duy nhất là đáp ứng nhu cầu chi tiêu của bản thân Nhà nước mà còn vì mục đích ổn định kinh tế, thực hiện quá trình phân phối và phân phối lại, đảm bảo công bằng về thuế trong xã hội. Đóng thuế là nghĩa vụ chung, góp phần hình thành quỹ tiền tệ tập trung lớn nhất của quốc gia để đáp ứng các nhu cầu chi tiêu công cộng do Nhà nước cung cấp mang tính thụ hưởng chung và gián tiếp. Vì vậy, các khoản nộp thuế không mong đợi việc hoàn trả, hay nói một cách khác đặc tính của thuế là mang tính cưỡng chế, dùng vào chi tiêu công cộng và không hoàn lại.

3. Thực trạng thuế TN cá nhân ở VN trong thời gian qua

3.1. Thuế TNCN đối với người có TN cao (giai đoạn 1991-2008)

Thuế TN đối với người có TN cao ngày càng thể hiện vai trò của mình, góp phần trong tổng số thu NSNN. Trong khi đại bộ phận TN của các khu vực kinh tế khác nhau tăng lên, thì thuế TN đối với những người có TN cao phải có những thay đổi để phù hợp trong giai đoạn mới, thuế TN đối với người có TN cao phải đảm bảo bao quát hết mọi nguồn thu, đặc biệt là khởi điểm thu thuế luôn không phù hợp với sự tăng giá trên thị trường. Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) đã nhiều lần sửa đổi và bổ sung những điều của pháp lệnh thuế TN của những người có TN cao. Từ năm 1991 đến 2004 có 6 lần bổ sung và sửa đổi Pháp lệnh thuế TN của những người có TN cao, cụ thể:

- Điều chỉnh lần 1: Tại kỳ họp lần 6 Quốc hội khóa 8 (cuối năm 1989) Quốc hội ra nghị quyết giao

cho Hội đồng Nhà nước ban hành pháp lệnh thuế TN của những người có TN cao. Ngày 27/12/1990 Pháp lệnh thuế TN của những người có TN cao ra đời và có hiệu lực thi hành từ 01/04/1991. Theo pháp lệnh này mọi công dân VN có TN 400.000đ/tháng và người nước ngoài 800.000đ/tháng phải nộp thuế TNCN. Đến 26/03/1991 UBTVQH điều chỉnh mức khởi điểm chịu thuế từ 400.000đ lên 500.000đ/tháng đối với người VN, đối với người nước ngoài từ 800.000đ lên 2.400.000đ/người/tháng.

- Điều chỉnh lần 2: vào ngày 19/05/1994 của UBTVQH, nội dung sửa đổi là mức khởi điểm thu thuế:

+ Đối với người VN từ 500.000đ/người/tháng → 650.000đ/người/tháng.

+ Đối với người nước ngoài từ 2.400.000đ/người/tháng → 3.000.000đ/người/tháng.

- Điều chỉnh lần 3: Theo quyết định điều chỉnh của UBTVQH số 01/1997-PL-TVQH ngày 06/02/1997 sửa đổi một số điểm của pháp lệnh thuế TN của những người có TN cao, điều chỉnh mức khởi điểm thu thuế:

+ Đối với người VN từ 650.000đ/người/tháng → 1.200.000đ/người/tháng.

+ Đối với người nước ngoài từ 3.000.000đ/người/tháng → 5.000.000đ/người/tháng.

- Điều chỉnh lần 4: Theo Pháp lệnh số 10/PL-UBTVQH ngày 30/06/1999 điều chỉnh khởi điểm thu thuế:

+ Đối với người VN điều chỉnh từ 1.200.000đ/người/tháng → 2.000.000đ/người/tháng.

+ Đối với người nước ngoài vẫn giữ mức 5.000.000đ/người/tháng.

- Điều chỉnh lần 5: Theo Pháp lệnh số 35/PL-UBTVQH ngày 19/05/2001 điều chỉnh mức TN chịu thuế:

+ Đối với người VN từ 2.000.000đ/người/tháng → 3.000.000đ/người/tháng.

+ Đối với người nước ngoài từ 5.000.000đ/người/tháng → 8.000.000đ/người/tháng.

- Điều chỉnh lần 6: Theo Pháp lệnh số 14/PL-UBTVQH ngày 24/03/2004 điều chỉnh mức TN chịu thuế:

+ Đối với người VN từ 3.000.000đ/người/tháng
→ 5.000.000đ/người/tháng.

+ Đối với người nước ngoài giữ nguyên
8.000.000đ/người/tháng.

Sở dĩ phải điều chỉnh mức TN chịu thuế vì phải theo đà phát triển của kinh tế - xã hội và tình hình giá cả tăng cao qua từng năm. Sự điều chỉnh mức khởi điểm thu thuế nhiều lần như vậy, nhưng vẫn không theo kịp tình hình giá cả thực tế, người chịu thuế còn gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là những người gia đình có đông con, còn cha mẹ già yếu...

Pháp lệnh thuế TN của những người có TN cao thực hiện từ năm 1991 đến hết năm 2008 đã thu được một số kết quả:

- Góp phần động viên nguồn thu và tăng thu cho NSNN: ở VN thuế TN đối với người có TN cao là loại thuế trực thu mới nên diện nộp thuế còn ít, còn đang trong quá trình thực nghiệm nên số thu chưa cao: năm 1991: 62 tỉ đồng, năm 1995: 504 tỉ đồng, năm 2001: 2.058 tỉ đồng chiếm 2% tổng số thu thuế, năm 2005: 3.640 tỉ đồng chiếm 2,2% tổng số thu thuế, năm 2008: 11.700 tỉ đồng chiếm 5,4% tổng số thu thuế, năm 2010: 16.700 tỉ đồng chiếm 6,3% tổng số thu thuế [1].

- Thuế TN đối với người có TN cao tuy thu chưa nhiều nhưng cũng đã góp phần vào điều tiết TN các tầng lớp dân cư thể hiện công bằng xã hội, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế... hạn chế mức chênh lệch TN của các cá nhân trong xã hội.

- Thuế TNCN đã góp phần quản lý các khoản TN của dân cư, hạn chế được những hoạt động phi pháp, tham nhũng, tiêu cực, khuyến khích tích cực làm giàu của cá nhân trong xã hội.

Tuy nhiên pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao qua nhiều năm thực hiện đã lộ rõ các nhược điểm cần phải điều chỉnh, cụ thể:

+ Chưa bao quát và điều tiết hết các khoản TN như TN từ đầu tư vốn, cổ tức được chia, TN từ chuyển nhượng tài sản, TN từ chuyển nhượng cổ phần, TN từ quà biếu...

+ Khởi điểm chịu thuế cao nên đối tượng nộp thuế chưa nhiều, số thuế thu được còn ít, nhưng chi phí quản lý, hành thu cao.

+ Thuế TN đối với người có TN cao là thuế trực thu nên gây cảm giác gánh nặng thuế luôn cận kề,

bên cạnh đó thuế TNCN có tác động lớn đến tâm lý, ảnh hưởng đến mọi thành viên trong xã hội. Do đó thuế TNCN rất nhạy cảm và dễ bị phản ứng của người nộp thuế.

+ Mặc dù thuế TN đối với người có TN cao được chỉnh sửa nhiều lần (6 lần) song vẫn chưa đáp ứng được mong muốn của người nộp thuế về mức khởi điểm tính thuế, cần phải có phần giảm trừ gia cảnh hợp lý của người chịu thuế và người phụ thuộc. Đây là vấn đề có rất nhiều ý kiến của các nhà quản lý cũng như đối tượng chịu thuế, nguyện vọng của đối tượng chịu thuế phải sửa đổi hợp lý để được nhiều người đồng thuận.

+ Thuế TN đối với người có TN cao có đối tượng nộp thuế và nguồn TN chịu thuế rất đa dạng, phức tạp và phân tán nên việc hình thành các căn cứ tính thuế trong quá trình xây dựng pháp luật thuế khó đầy đủ và chính xác.

+ Vấn đề quản lý thuế còn chưa chặt chẽ, còn bỏ sót nhiều đối tượng nộp thuế.

Hiện tượng trốn thuế còn nhiều, đặc biệt là đối với người làm ăn riêng lẻ, giới văn nghệ sĩ... TN nhiều, nộp thuế ít hoặc không kê khai nộp thuế...

3.2. Thuế TN cá nhân (từ năm 2009 đến nay)

Những tồn tại trên cần được khắc phục và Luật thuế TNCN có tính pháp lý cao hơn. Do yêu cầu cấp bách phải sửa Pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao nên kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa 12 đã thông nhất thông qua ngày 21/11/2007 Luật thuế TNCN có hiệu lực thi hành từ 01/01/2009. Luật thuế TNCN khác với Pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao:

- Bỏ mức khởi điểm tính thuế.

- Có phần giảm trừ gia cảnh cho người chịu thuế và người phụ thuộc.

- Không phân biệt người VN và người nước ngoài.

Luật thuế TNCN đã bao quát hơn các nguồn thu.

Trong luật cũng quy định rõ các TN miễn trừ.

Kết quả thu được trong 3 năm triển khai Luật thuế TNCN (từ 2009-2011): Kết quả thu thuế TNCN tại TP.HCM [2]

- Năm 2008 thu 5.637 tỉ đồng, chiếm tỉ trọng 7,6% tổng số thu.

- Năm 2009 thu 3.675 tỉ đồng, chiếm tỉ trọng 4,7% tổng số thu.

- Năm 2010 thu 9.422 tỉ đồng, chiếm tỉ trọng 9,0% tổng số thu.

- 10 tháng năm 2011 (đến 31/10/2011) thu 12.406 tỉ đồng, chiếm tỉ trọng 11% tổng số thu.

Số thu thuế TNCN chủ yếu là thu của người làm công ăn lương: như năm 2010 thuế thu từ đối tượng làm công ăn lương chiếm 82% (7.753 tỉ đồng), TN từ chuyển nhượng bất động sản chiếm 10% (937 tỉ đồng). Điều này chứng tỏ Luật thuế TNCN có tác động lớn trong việc tăng thu so với Pháp lệnh thuế TN đối với người có TN cao, vì Luật thuế TNCN bao quát hơn các nguồn TN chịu thuế.

TP.HCM rất chủ động trong việc tuyên truyền Luật thuế TNCN, cá nhân có TN chịu thuế có ý thức và chủ động trong việc đăng ký mã số thuế, Cục thuế đã cấp trên 2,5 triệu mã số thuế cho cá nhân cho người dân số người được cấp mà số thuế chủ yếu là người làm công ăn lương.

Từ khi thực hiện Luật thuế TNCN từ 01/01/2009 đến nay do ảnh hưởng của khủng hoảng tiền tệ, suy thoái kinh tế, lạm phát và giá cả leo thang, Quốc hội đã 2 lần cho miễn giảm thuế:

- Miễn giảm lần 1: Theo nghị quyết của Quốc hội khóa 12 số 32/2009-NQ-QH12 ngày 19/06/2009 điều chỉnh mục tiêu tổng quát, một số chỉ tiêu kinh tế, NSNN... và miễn giảm thuế TNCN... Điều 4 nghị định: Miễn toàn bộ số thuế TNCN từ tháng 01/2009 đến hết tháng 6/2009 đã giảm cho các đối tượng...

Tiếp tục miễn số thuế TNCN từ 01/07/2009 đến hết năm 2009 đối với TN từ đầu tư vốn, từ bản quyền, nhượng quyền thương mại.

Đợt giảm, miễn thuế này đã làm vui lòng người nộp thuế và khuyến khích tăng năng suất lao động, tăng TN cho cơ quan xí nghiệp và TNCN.

- Miễn giảm lần 2: Nghị quyết số 08/2011-QH13 ngày 06/08/2011 về ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân - Quyết nghị ghi rõ:

Điều 1 mục 5: Miễn thuế TNCN từ 01/08/2011 đến hết 31/12/2011 đối với cá nhân có TN phải chịu thuế TNCN ở bậc 1 của biểu thuế lũy tiến từng phần quy định tại Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12.

Đợt giảm miễn thuế này cũng làm dân yên lòng khi thấy Quốc hội quan tâm đến khó khăn của đất nước và của người nộp thuế. Tuy nhiên đợt miễn giảm này rất ít người làm công ăn lương được miễn giảm vì thuế tính bình quân/tháng của cả năm vượt quá bậc 1 một đồng cũng không thuộc diện được miễn giảm. Tuy vậy việc miễn giảm thuế của Quốc hội đã gây tác động tốt đối với người nộp thuế.

Tình hình năm 2012 còn khó khăn hơn nhiều so với năm 2011 các bất cập khi triển khai thuế 2012 càng lộ rõ, và cần có giải pháp sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Luật thuế TNCN mà chủ yếu là mức giảm trừ gia cảnh, thuế suất và khoảng cách các bậc thuế.

4. Sự cần thiết và bổ sung sửa đổi của Luật thuế TNCN

Quá trình thi hành Luật thuế TNCN từ 01/01/2009 đến nay đã lộ rõ một số vấn đề bất hợp lý:

- Mức giảm trừ gia cảnh: Luật thuế quy định: đối với người nộp thuế thì thuế suất giảm trừ 4.000.000đ/tháng, đối với người phụ thuộc thì thuế suất miễn trừ 1.600.000đ/tháng. Mức quy định này chưa được người dân đồng tình từ lúc dự thảo Luật thuế TNCN, vì mức giảm trừ gia cảnh, quá thấp không nuôi được người lao động và người phụ thuộc. Đến nay, mức giảm trừ gia cảnh này đã góp phần làm cho người nộp thuế sống eo hẹp, khó khăn, chật vật hơn. Mức giảm trừ này không đủ để tái tạo sức lao động, chứ chưa nói đến việc nuôi dưỡng, bồi bổ sức lao động của đối tượng nộp thuế.

Vừa qua Bộ Tài chính vừa có dự thảo sửa đổi bổ sung Luật thuế TNCN, sửa đổi mức giảm trừ gia cảnh là 6.000.000đ/tháng cho đối tượng nộp thuế và 2.400.000đ cho người phụ thuộc nhưng đến năm 2014 mới thực hiện, với mức giảm trừ này thì năm 2012 vẫn là lạc hậu chứ chưa nói đến năm 2014. Vì vậy, việc nghiên cứu mức giảm trừ gia cảnh phù hợp là vấn đề cần thiết để việc thi hành luật có khả năng thực thi.

- Cần giảm thuế suất ở bậc 1 vì theo luật thuế hiện nay mỗi bậc thuế cách nhau 5%, mức thuế suất hiện nay là: 5.000.000đ là 5%, từ 5.000.000 đến 10.000.000đ là 10%, từ 10.000.000đ đến 18.000.000đ là 15%... mức thuế suất quá dày, người

lao động cố gắng làm việc: tăng ca, làm thêm giờ... TN tăng sẽ lọt sang khung thuế suất khác. Không khuyến khích người lao động tích cực trong lao động, sản xuất. Bộ Tài chính nên nghiên cứu thuế ở bậc 1 thuế suất nên từ 2% đến 3%.

- Theo biểu thuế hiện nay khoảng cách các bậc thuế quá dày, chỉ cách nhau 5.000.000đ là sang khung thuế cao hơn, người nộp thuế luôn bị ám ảnh bởi gánh nặng về thuế, vì đây là thuế trực thu nên ảnh hưởng trực tiếp đến TN của họ. Trong điều kiện lạm phát tăng cao (từ 2007 đến nay), việc nâng lương khởi điểm của Chính phủ cần lưu ý đến khoảng cách các bậc thuế, để người nộp thuế yên tâm lao động, phát huy sáng kiến, tìm cách tăng thu cho bản thân, vì vậy việc giãn khoảng cách giữa các bậc thuế trong biểu thuế lũy tiến từng phần cần được quan tâm thỏa đáng nhằm mục tiêu kích thích tăng năng suất lao động, tăng TN và kích cầu tiêu dùng mạnh hơn tạo điều kiện cho sản xuất phát triển đó là cơ sở vững chắc để tăng thu thuế cho Nhà nước.

5. Kiến nghị sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TNCN

Qua phân tích tính cấp thiết phải điều chỉnh của Luật thuế TNCN hiện hành, đề nghị nghiên cứu sửa đổi một số điều của Luật thuế TNCN như sau:

- Cần có mức giảm trừ gia cảnh hợp với đời sống thực tế của người dân, phải đảm bảo mức sống sinh hoạt tối thiểu của người nộp thuế và gia đình họ. Theo Luật thuế TNCN được Quốc hội ban hành ngày 21/11/2007 (Luật thuế TNCN số 04/2007/QH12) mức giảm trừ gia cảnh của người chịu thuế là 4.000.000đ và người phụ thuộc 1.600.000đ/người/tháng. Mức giảm trừ này quá lạc hậu vì so với 2007 thì đến cuối năm 2011 thì giá hàng tiêu dùng tăng hơn 100%, ngoài ra còn chịu

sức ép của lạm phát quá lớn: năm 2011 hơn 18%. Ta hãy nhìn lại chỉ số tăng giá tiêu dùng trong thời gian qua:

Nếu tính tỉ giá tiêu dùng năm 2011 so với năm 2007 tăng cao vọt, có mặt hàng như lương thực, thực phẩm tăng gấp đôi và hơn gấp đôi. Như vậy mức giảm trừ gia cảnh theo luật định đã quá lạc hậu. Vậy mức giảm trừ bao nhiêu là phù hợp? Đây là vấn đề hết sức nhạy cảm và được quan tâm nhiều nhất. Xung quanh vấn đề này rất nhiều ý kiến được đề xuất khi được các nhà chức trách nêu ra. Theo nhóm tác giả thì mức giảm trừ gia cảnh của người nộp thuế từ 8.000.000đ đến 9.000.000đ/người/tháng là hợp lý theo thời giá hiện nay và những dự định tăng giá một số mặt hàng: điện, nước và các dịch vụ y tế, phí giao thông sắp tới.

Vì vậy, cơ quan hoạch định chính sách cần nghiên cứu thêm để có mức giảm trừ gia cảnh phù hợp, được nhiều người đồng thuận tạo điều kiện cho người nộp thuế TNCN có điều kiện cải thiện cuộc sống của họ và gia đình, có điều kiện bồi dưỡng sức khỏe để lao động tốt hơn, năng suất hơn, tạo nhiều sản phẩm cho xã hội, là tiền đề vững chắc để tăng trưởng kinh tế, tăng thu cho NSNN. Đây là vấn đề rất quan trọng vì thuế TNCN hiện nay thu chủ yếu là người làm công ăn lương, cần phải được chú ý và tôn trọng sự đóng góp của những người này.

- Mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế và người phụ thuộc cần được nghiên cứu một cách khoa học, giản đơn và lâu dài, không phải được điều chỉnh theo sự tăng giá hàng hóa. Muốn vậy nên tính theo số lần lương tối thiểu chung. Hiện nay lương tối thiểu của khối hành chính sự nghiệp là 1.050.000đ thì nên lấy mức giảm trừ gia cảnh cho người nộp thuế từ 8 đến 9 lần lương tối thiểu chung hoặc tính từ 4 đến 5 lần lương tối thiểu của doanh nghiệp (hiện

Bảng 1. Chỉ số tăng giá tiêu dùng giai đoạn 2008-2011

	2008/2007	2009/2008	2010/2009	2011/2010
Chỉ số giá hàng tiêu dùng	119,89	106,52	111,75	118,3
Nhóm lương thực thực phẩm	131,86	105,78	116,18	124,8
+ Lương thực	143,25	107,54	117,96	118,98
+ Thực phẩm	126, 53	104,29	116,69	127,38

Nguồn: Báo cáo chỉ số giá hàng hóa của Sở Tài chính TP.HCM qua các năm

nay có 4 mức từ 1.400.000đ đến 2.000.000đ) tùy từng vùng miền. Tuy nhiên, có nghiên cứu đến vùng miền và thành phố, nông thôn. Nếu lấy theo số lần lương tối thiểu chung thì có nhiều tiện lợi như:

+ Dễ thực hiện và có thể ổn định được vì khi mức lương tối thiểu thay đổi thì tự khắc mức giảm trừ gia cảnh được thay đổi, và người nộp thuế tự tính thuế, tự biết số thuế mình phải nộp và rất chủ động, không cần phải chờ đợi giải thích hướng dẫn gì, tạo thuận lợi cho việc kê khai, tự nộp thuế của người dân tốt hơn.

+ Giảm được thủ tục hành chính khi sửa đổi mức giảm trừ gia cảnh trong Luật thuế TNCN vì quy trình điều chỉnh và sửa đổi luật thuế phải do Quốc hội thảo luận và biểu quyết theo một trình tự quy định.

Như vậy nên tính mức giảm trừ gia cảnh theo số lần lương tối thiểu sẽ đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc sửa đổi luật thuế của Quốc hội, phù hợp với công cuộc cải cách thủ tục hành chính hiện nay của nhà nước ta.

- Giảm thuế suất ở bậc 1 biểu thuế lũy tiến từng phần của Luật thuế TNCN từ 5% xuống 3%. Hiện nay thuế bậc 1 là TN chịu thuế 5.000.000đ thuế suất 5%, bậc 2 từ 5.000.000đ đến 10.000.000đ là 10%. Thuế suất các bậc thuế quá dày, gây cho người nộp thuế cảm giác thuế cao, nổi ám ảnh gánh nặng về thuế đè trên vai họ. Điều quan trọng là biểu thuế dày như vậy khó khuyến khích được người nộp thuế hăng say lao động để có thêm TN vì chỉ cần TN cao hơn một chút là thuế suất sẽ tăng gấp đôi. Biểu thuế suất phù hợp sẽ khuyến khích người nộp thuế.

- Giảm khoảng cách của các bậc thuế vì hiện nay theo luật thuế khoảng cách của các bậc thuế chỉ có 5.000.000đ, như vậy là quá dày. Vậy nên điều chỉnh Luật thuế TNCN theo hướng:

- TN chịu thuế đến 10.000.000đ thuế suất 5%.
- TN chịu thuế từ 10.000.000đ đến 20.000.000đ thuế suất 10%.

Khoảng cách này sẽ tăng lên để đến bậc thuế cuối cùng là thuế suất 30%. Khoảng cách giữa các bậc thuế xa nhau sẽ khuyến khích người lao động hơn, họ sẽ yên tâm lao động sản xuất để có TN cao, không lo phải sang khung thuế suất khác cao hơn.

- Cần có bước đệm hiệu quả để đến ngày 01/01/2014 thực hiện luật thuế mới bổ sung sửa đổi Luật thuế TNCN. Khi thực hiện Luật thuế TNCN từ năm 2009-2011 có 2 lần Quốc hội ra nghị quyết giảm thuế TNCN: Vào năm 2009 và 2011 là do tình hình khó khăn về kinh tế, lạm phát ảnh hưởng đến đời sống nhân dân lao động. Đến năm 2012 tình hình kinh tế, tiền tệ còn khó khăn hơn các năm trước. Vì vậy, Quốc hội cần có chủ trương miễn giảm thuế TNCN thỏa đáng để yên lòng dân. Đối tượng nộp thuế TNCN đều mong muốn có bước tháo gỡ khó khăn trước mắt như các năm trước đây Quốc hội đã làm. Nếu cứ lấy các quy định từ năm 2007 áp dụng cho đến năm 2014 thì gây nhiều khó khăn cho đối tượng nộp thuế TNCN, những giải pháp tình thế là hết sức cần thiết vừa làm yên lòng dân vừa khuyến khích sản xuất, có tác động lớn đến nhân tố quyết định là con người, là an dân.

Do thuế là nguồn thu chủ yếu, đảm bảo phần lớn chi ngân sách nhà nước nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng, nộp thuế là nghĩa vụ và trách nhiệm của mọi người dân. Việc khai thác các nguồn thu cho NSNN là yêu cầu cấp bách hiện nay của đất nước. Nhưng không vì thế mà ép dân, cần khoan sức dân, cần có chính sách thuế TNCN phù hợp, đảm bảo cuộc sống tối thiểu cho người nộp thuế và gia đình họ. Có vậy người nộp thuế sẽ có cuộc sống ổn định, có điều kiện chăm lo cho con cái và cha mẹ họ, họ dốc sức vào công việc, có nhiều sáng kiến cải tiến trong sản xuất, dịch vụ thì sẽ có sản phẩm xã hội dồi dào. Đó là nguồn thu dồi dào vững chắc cho NSNN, cho xã hội.

Việc đưa ra các giải pháp phù hợp thực tế, có sự đồng thuận của đông đảo người nộp thuế thì việc thực thi luật thuế TNCN sẽ có kết quả cao. Việc tăng thu cho ngân sách cần nhằm vào: thu đúng, thu đủ, chống thất thu, chống tham nhũng tiêu cực, tiết kiệm chi tiêu và chỉ có hiệu quả, đặc biệt là chống thất thoát ở các công trình xây dựng lớn, không để nhà thầu rút ruột công trình chia nhau. Có thể người dân mới phần khởi, vui vẻ lao động sản xuất, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế, để có nguồn thu, đảm bảo chi cho xây dựng đất nước, bảo vệ an ninh quốc phòng, đảm bảo dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh■

CHÚ THÍCH

[1] Số liệu: Báo cáo kết quả 10 năm cải cách thuế bước 1(1990-2000) và chiến lược cải cách thuế bước 2(2001-2010) của Tổng cục Thuế VN.

[2] Số liệu theo báo cáo tổng kết 3 năm thực hiện Luật thuế TNCN của Cục Thuế TP.HCM.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ Tài chính, *Cải cách thuế bước I* (1990-1995).

Bộ Tài chính, *Chiến lược về cải cách thuế đến năm 2015*.

Bộ Tài chính, *Cải cách thuế bước II* (2006-2010).

Bộ Tài chính, *Pháp lệnh thuế TNCN đối với người có TN cao qua các kỳ sửa đổi bổ sung*.

Bộ Tài chính, *Luật thuế TNCN ban hành 2007 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2009*.

Bộ Tài chính – Tổng cục Thuế, *Thuế VN qua các thời kỳ lịch sử (tập 1 và 2)*.

Bộ Tài chính, *Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch tài chính*.

Cục Thuế TP.HCM, *Tổng kết 03 năm thực hiện Luật thuế TNCN (2009-2011)*.

Quốc hội nước CHXH VN, *Quyết định của Quốc hội khóa 12 và 13 về miễn thuế TNCN năm 2009 và 2011 (Nghị quyết của Quốc hội)*.

Sở Tài chính TP.HCM, *Chỉ số giá tiêu dùng hàng năm từ 2008-2011*.

Tổng cục Thuế, *Tình hình cải cách thuế một số nước trên thế giới*.

Tổng cục Thuế, *Báo cáo tổng kết thực hiện kế hoạch thu hàng năm*.